

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2015**

Tháng 01 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,378,858,235,027	2,570,894,612,541
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	681,480,815,241	830,543,432,177
1. Tiền	111		67,807,015,241	54,497,132,177
2. Các khoản tương đương tiền	112		613,673,800,000	776,046,300,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27,057,666,300	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33,575,304,695	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6,517,638,395)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		676,359,266,878	691,903,792,837
1. Phải thu khách hàng	131		562,514,770,542	500,647,952,123
2. Trả trước cho người bán	132		16,870,707,591	1,299,996,253
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		118,626,357,636	196,831,179,348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21,652,568,891)	(6,875,334,887)
IV. Hàng tồn kho	140	6	791,058,575,318	840,984,586,759
1. Hàng tồn kho	141		813,482,114,333	866,347,689,988
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22,423,539,015)	(25,363,103,229)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		202,901,911,290	207,462,800,768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		949,259,604	118,800,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		200,901,726,561	206,872,025,768
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,050,925,125	471,975,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		4,823,833,723	3,945,492,436
I. Tài sản cố định	220		3,089,568,970	1,620,377,239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2,904,378,363	1,584,824,208
- Nguyên giá	222		7,539,662,749	5,557,643,616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,635,284,386)	(3,972,819,408)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	185,190,607	35,553,031
- Nguyên giá	228		1,113,753,105	891,153,105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(928,562,498)	(855,600,074)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1,350,000,000	1,350,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1,734,264,753	2,325,115,197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		332,884,163	721,947,607
2. Tài sản dài hạn khác	268		1,401,380,590	1,603,167,590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,383,682,068,750	2,574,840,104,977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,098,241,470,142	2,355,519,216,371
I. Nợ ngắn hạn	310		2,098,034,451,873	2,354,978,198,102
1. Phải trả người bán	311		449,525,325,215	397,436,599,933
2. Người mua trả tiền trước	312		5,063,666,028	6,665,908,804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	2,747,450,758	4,650,095,853
4. Phải trả người lao động	314		10,000,000,000	15,947,489,189
5. Chi phí phải trả	315	10	5,521,644,444	9,204,122,297
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	83,477,742,485	107,394,093,712
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	1,534,865,876,071	1,807,229,243,280
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,832,746,872	6,450,645,034
II. Nợ dài hạn	330		207,018,269	541,018,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		207,018,269	541,018,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		285,440,598,608	219,320,888,606
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	285,440,598,608	219,320,888,606
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		213,265,490,000	142,227,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	33,340,500,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(375,000,000)	(375,000,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	4,977,707,165
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72,550,108,608	39,150,681,441
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,383,682,068,750	2,574,840,104,977

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
1. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	17,918,448,762	18,012,148,762
2. Ngoại tệ các loại	USD	714,698	78,351
	EUR	81	105

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Chữ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2015	Quý IV năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,516,871,521,253	1,493,731,377,333	5,689,248,687,736	6,279,026,756,615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		41,391,241,150	39,383,208,818	106,321,801,669	94,853,975,856
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,475,480,280,103	1,454,348,168,515	5,582,926,886,067	6,184,172,780,759
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		1,392,498,193,900	1,380,797,562,102	5,308,789,938,769	5,858,575,913,713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82,982,086,203	73,550,606,413	274,136,947,298	325,596,867,046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	11,931,377,511	7,772,603,353	45,497,647,237	28,359,723,957
7. Chi phí tài chính	15	26,193,265,078	22,565,816,360	90,284,151,528	99,306,464,213
Trong đó: Chi phí lãi vay		17,415,959,656	17,893,650,982	69,510,959,336	92,257,798,304
8. Chi phí bán hàng		27,803,009,516	30,519,789,458	94,475,179,935	86,678,433,706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		21,308,207,047	13,541,025,352	50,425,091,334	51,568,664,389
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19,608,982,073	14,696,578,596	84,450,171,738	116,403,028,695
11. Thu nhập khác	16	609,884,226	103,819,024	1,138,782,830	496,527,425
12. Chi phí khác	17	290,528,656	1,032,941	422,819,670	372,118,648
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		319,355,570	102,786,083	715,963,160	124,408,777
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		19,928,337,643	14,799,364,679	85,166,134,898	116,527,437,472
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	3,344,727,661	4,329,218,548	17,697,043,058	26,881,851,311
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		16,583,609,982	10,470,146,131	67,469,091,840	89,645,586,161
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	778	741	4,007	6,307

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Trần Văn Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	85,166,134,898	116,527,437,472
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	735,427,402	565,330,877
Các khoản dự phòng	03	18,355,308,185	4,658,898,714
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(313,381,374)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(33,949,528,180)	(19,657,209,519)
Chi phí lãi vay	06	69,510,959,336	92,257,798,304
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	139,818,301,641	194,038,874,474
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	8,314,737,605	36,934,421,330
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	52,865,575,655	579,652,944,740
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	76,024,700,121	(149,896,205,734)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1,020,346,285)	3,107,215,164
Tiền lãi vay đã trả	13	(70,351,315,349)	(90,945,165,129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18,233,963,524)	(33,542,724,843)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	306,587,000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,072,080,000)	(1,535,705,968)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	186,652,196,864	537,813,654,034
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,709,523,357)	(1,082,747,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	504,904,224	182,727,273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33,575,304,695)	-
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	36,252,832,237	20,148,260,732
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	472,908,409	19,248,240,732
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(375,000,000)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,153,930,370,282	5,399,039,512,712
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5,426,293,737,491)	(6,069,958,420,972)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(63,824,355,000)	(42,625,350,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(336,187,722,209)	(713,919,258,260)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(149,062,616,936)	(156,857,363,494)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	830,543,432,177	987,500,169,041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(99,373,370)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	681,480,815,241	830,543,432,177

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2015

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	125,089,309	286,247,235
Tiền gửi ngân hàng	67,630,578,932	54,210,884,942
Tiền đang chuyển	51,347,000	-
Các khoản tương đương tiền	613,673,800,000	776,046,300,000
	<u>681,480,815,241</u>	<u>830,543,432,177</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	31,234,969,760	54,393,103,732
Hàng hóa	779,581,000,371	808,373,875,730
Hàng gửi đi bán	2,666,144,202	3,580,710,526
	<u>813,482,114,333</u>	<u>866,347,689,988</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22,423,539,015)	(25,363,103,229)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>791,058,575,318</u>	<u>840,984,586,759</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	3,217,492,613	2,340,151,003	5,557,643,616
Mua trong năm	1,047,842,405	1,439,080,952	2,486,923,357
Thanh lý trong năm	(504,904,224)	-	(504,904,224)
Tại ngày 31/12/2015	3,760,430,794	3,779,231,955	7,539,662,749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1,749,702,015	2,223,117,393	3,972,819,408
Khấu hao trong năm	734,107,858	164,961,735	899,069,593
Thanh lý trong năm	(236,604,615)	-	(236,604,615)
Tại ngày 31/12/2015	2,247,205,258	2,388,079,128	4,635,284,386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	1,513,225,536	1,391,152,827	2,904,378,363
Tại ngày 01/01/2015	1,467,790,598	117,033,610	1,584,824,208

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2015	891,153,105
Tăng trong năm	222,600,000
Tại ngày 31/12/2015	1,113,753,105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	855,600,074
Khấu hao trong năm	72,962,424
Tại ngày 31/12/2015	928,562,498
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	185,190,607
Tại ngày 01/01/2015	35,553,031

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(775,666,314)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,792,298,082	4,329,218,548
Thuế TN cá nhân	(269,181,010)	320,877,305
	2,747,450,758	4,650,095,853
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	1,044,847,324	-
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	3,792,298,082	4,650,095,853

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	3,201,567,233	4,667,336,246
Chi phí phải trả khác	2,320,077,211	4,536,786,051
	5,521,644,444	9,204,122,297

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	59,185,670	84,844,972
Bảo hiểm xã hội	123,339,225	-
Cổ tức	586,927,123	64,411,282,123
Các khoản phải trả phải nộp khác	82,708,290,467	42,897,966,617
	<u>83,477,742,485</u>	<u>107,394,093,712</u>

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	487,623,321,528	529,349,166,242
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	399,767,416,054	253,401,547,783
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	247,272,939,305	246,796,662,698
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	-	46,705,731,200
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	-	86,067,023,360
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	57,981,805,612	246,821,895,538
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	342,220,393,572	346,164,385,059
Ngân hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam - CN HCM	-	51,922,831,400
	<u>1,534,865,876,071</u>	<u>1,807,229,243,280</u>

Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là : 1.534.865.876.071 VND.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	142,227,000,000	33,340,500,000.00	-	4,977,707,165	15,210,157,004	195,755,364,169
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	89,645,586,161	89,645,586,161
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(375,000,000)	-	-	(375,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,792,911,724)	(1,792,911,724)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(63,934,650,000)	(63,934,650,000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	22,500,000	22,500,000
Số dư tại ngày 01/01/2015	142,227,000,000	33,340,500,000	(375,000,000)	4,977,707,165	39,150,681,441	219,320,888,606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	67,469,091,840	67,469,091,840
Tăng vốn trong năm	71,038,490,000	(33,340,500,000)	-	(4,977,707,165)	(32,720,282,835)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,349,381,838)	(1,349,381,838)
Số dư tại ngày 31/12/2015	213,265,490,000	-	(375,000,000)	-	72,550,108,608	285,440,598,608

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33,949,528,180	19,619,177,077
Lãi chênh lệch tỷ giá	6,856,897,341	2,133,307,150
Hoạt động tài chính khác	4,691,221,716	6,607,239,730
	<u>45,497,647,237</u>	<u>28,359,723,957</u>

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	69,510,959,336	92,257,798,304
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9,483,751,322	2,058,094,514
Hoạt động tài chính khác	11,289,440,870	4,990,571,395
	<u>90,284,151,528</u>	<u>99,306,464,213</u>

16. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	485,727,272	182,727,273
Thu nhập khác	653,055,558	313,800,152
	<u>1,138,782,830</u>	<u>496,527,425</u>

17. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khác	422,819,670	371,085,707
	<u>422,819,670</u>	<u>371,085,707</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	85,166,134,898	116,527,437,472
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4,973,975,214	-
Cộng: CP không được khấu trừ	248,945,124	5,662,795,760
Thu nhập chịu thuế	<u>80,441,104,808</u>	<u>122,190,233,232</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>17,697,043,058</u>	<u>26,881,851,311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	67,469,091,840	89,645,586,161
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	16,837,853	14,213,665
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4,007	6,307

20. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 01 năm 2016.



Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 01 năm 2016



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 44/ CV-PSD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Kính gửi: - **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
Phòng Quản lý niêm yết

Tên tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí**
Địa chỉ : Phòng 207, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0305482862

Mã giao dịch chứng khoán: **PSD**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Công ty PSD) xin giải trình với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội các vấn đề liên quan đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.

Theo Báo cáo tài chính năm 2015 thì:

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014: 116.527.437.472 đồng
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015: 85.116.134.898 đồng
- Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 so với năm 2014 là biến động giảm 27%.

Nguyên nhân của sự biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm là do trong năm 2015 Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp Công ty PSD giảm lần lượt là 10% và 16%.

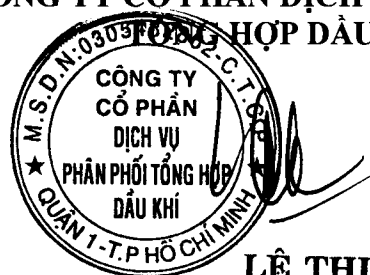
Bằng công văn này, Công ty xin giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán được rõ.

Trân trọng kính chào !

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI
TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT



LÊ THỊ CHIẾN